

## MẪU TRÌNH BÀY BẢN THẢO BÀI BÁO TIẾNG VIỆT

*{Quy định chung: Bản thảo gửi đăng phải là công trình nghiên cứu của tác giả (tập thể tác giả), chưa đăng hoặc chưa được chấp nhận đăng ở bất kỳ tạp chí nào khác. Toàn bộ bản thảo bài báo được soạn bằng Microsoft Word, mã Unicode, font chữ Times New Roman, cỡ chữ 12 (trừ những phần có ghi chú cỡ chữ khác); lề trên và lề dưới 4 cm; lề trái và lề phải 3,3 cm; giãn cách đoạn 6pt (trừ tên tác giả giãn cách đoạn 12pt); giãn dòng Single; dòng đầu tiên (First line) lùi lề trái 1,0 cm, canh lề 2 bên - Justify (trừ những phần có ghi chú khác). Bản thảo bài báo bằng tiếng Việt cần có phần tóm tắt bằng tiếng Việt ở đầu bài và tiếng Anh (Abstract) ở cuối bài với nội dung tương đương}*

### NHAN ĐỀ BÀI BÁO (cỡ 13, in hoa, đậm, canh giữa)

TÁC GIẢ THỨ NHẤT<sup>(1)</sup>, TÁC GIẢ THỨ HAI<sup>(1)</sup>, TÁC GIẢ THỨ N<sup>(2)\*</sup> (cỡ chữ 10, in hoa, canh giữa, cách đoạn trên và dưới 12pt)

<sup>(1)</sup> Tên cơ quan tác giả thứ nhất, thứ hai, địa chỉ (in nghiêng)

<sup>(2)</sup> Tên cơ quan tác giả thứ N, địa chỉ

\* Tác giả liên hệ: Nguyễn Văn A

- Địa chỉ:

- Đt: email:

- **Điểm nổi bật (cỡ chữ 12; in nghiêng, đậm):** (khuyến khích, không bắt buộc) Nêu những điểm nổi bật nhất của nội dung nghiên cứu bằng 3 - 5 câu ngắn gọn (mỗi câu 1 gạch đầu dòng).

- **Tóm tắt (Tiếng Việt) (cỡ chữ 12; in nghiêng, đậm):** Tóm tắt ngắn gọn mục đích, nội dung nghiên cứu và kết quả chính, dài khoảng 250 đến 300 từ. Tài liệu tham khảo không được trích dẫn trong phần này. Không sử dụng các ký tự, ký hiệu đặc biệt, hoặc công thức toán trong tóm tắt.

- **Từ khóa (cỡ chữ 12; in nghiêng, đậm):** Ngay sau phần tóm tắt, cung cấp 5-7 từ hoặc cụm từ; theo thứ tự từ quan trọng hơn đặt trước; phân cách bởi dấu “;” (cỡ chữ 12; in nghiêng).

#### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ (chữ in hoa, đậm)

Phần này dẫn những kết quả nghiên cứu trước đã được công bố về vấn đề cần nghiên cứu; nhấn mạnh những ưu, nhược điểm, thiếu sót của kết quả đã nghiên cứu; nêu bật tính cấp thiết (hay lý do) những vấn đề mà tác giả cần giải quyết và các phương pháp mới, cải tiến sẽ áp dụng trong nghiên cứu này.

#### 2. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU (chữ in hoa, đậm)

##### 2.1. Vật liệu

Phần này trình bày tóm tắt về đối tượng nghiên cứu/ thử nghiệm hoặc nêu nguồn gốc, xuất xứ, chỉ tiêu chính của nguyên vật liệu đầu vào dùng cho nghiên cứu.

##### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Trình bày các phương pháp sử dụng thực hiện các nội dung bài báo để nhận được kết quả.

- Nêu tên phần mềm được sử dụng, quy trình công nghệ, trang thiết bị sử dụng và tóm tắt các bước tiến hành nghiên cứu, thử nghiệm.

#### 3. KẾT QUẢ (chữ in hoa, đậm)

Phần này trình bày các kết quả nghiên cứu, thử nghiệm được mô tả và minh họa qua các bảng số liệu, ảnh chụp và hình vẽ (sơ đồ, bản vẽ, đồ thị, bản đồ và biểu đồ).

#### **4. THẢO LUẬN (chữ in hoa, đậm)**

Bàn luận về các kết quả nghiên cứu. Có thể chia thành các tiểu mục (4.1, 4.2...- in thường và đậm) nhưng không chia tiêu mục quá 3 chữ số, ví dụ: không chia đến 4.1.1.1

#### **5. KẾT LUẬN (chữ in hoa, đậm)**

Phần này đưa ra những kết luận chung từ kết quả nghiên cứu, có thể nêu các hạn chế của nghiên cứu và đề xuất những định hướng nghiên cứu tiếp theo.

*Lời cảm ơn: Phần này bắt buộc phải có. Được đặt ngay sau phần “KẾT LUẬN”, độ dài không quá 120 từ, in nghiêng. Nội dung là lời cảm ơn hoặc thông tin các tổ chức, đơn vị đã tài trợ kinh phí, tạo điều kiện cho nghiên cứu; các cá nhân đã hỗ trợ nghiên cứu.*

*Tuyên bố về đóng góp của tác giả: Ghi rõ vai trò, trách nhiệm và đóng góp cụ thể của từng tác giả trong quá trình viết bài. Các trình bày như sau: Nguyễn Văn A: Khái niệm hóa. Phương pháp luận. Nguyễn Văn B: chuẩn bị bản thảo gốc...*

*Tuyên bố về xung đột lợi ích: Đề nghị công bố bất kỳ xung đột lợi ích hiện có hoặc có thể phát sinh bao gồm xung đột về tài chính hoặc mối quan hệ cá nhân với những người hoặc tổ chức khác trong vòng 3 năm kể từ khi nộp bản thảo có thể ảnh hưởng tới công trình nghiên cứu. Tác giả/các tác giả cần liệt kê cụ thể các nguồn hỗ trợ tài chính cho việc thực hiện nghiên cứu và/hoặc hoàn thiện bài viết. Nếu nguồn tài trợ nào có liên quan thì tác giả/các tác giả cũng cần phải tuyên bố rõ ràng trong bài viết.*

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Tài liệu tham khảo được trích dẫn đầy đủ trong bản thảo.
- Các tài liệu tham khảo được xếp thứ tự tăng dần theo thứ tự trích dẫn trong văn bản.
- Nên định dạng sao cho các số thứ tự ở chế độ “hanging” (tức hàng thứ hai trở đi trong mỗi tài liệu lùi vào thẳng hàng với dòng đầu tiên).
- URL và DOI: Đưa vào cuối mục tài liệu trích dẫn mà không có dấu chấm cuối cùng (nếu có).

#### **ABSTRACT (TÓM TẮT TIẾNG ANH)**

**TITTLE OF THE ARTICLE (NHAN ĐỀ BÀI BÁO TIẾNG ANH) (cỡ 13, in hoa, đậm, canh giữa)**

Tóm tắt nội dung bài báo bằng tiếng Anh khoảng 250 - 300 từ, nội dung tương tự với tóm tắt tiếng Việt.

*Keywords: 5-7 từ khóa bằng tiếng Anh nội dung tương đương với từ khóa tiếng Việt.*

## CÁC QUY ĐỊNH CHI TIẾT

### 1. Quy định về trích dẫn (TLTK) và chú thích

- Đảm bảo mọi TLTK phải được trích dẫn trong nội dung bài báo.
- Khi trích dẫn TLTK, dùng chữ số Hy Lạp 1, 2, 3,... được đặt trong ngoặc vuông, ví dụ [2]; chú ý đặt TLTK trước dấu chấm câu nếu để ở cuối câu, ví dụ [1].
- Số thứ tự (1, 2, 3...) ở đây là số thứ tự TLTK được trích dẫn và cũng chính là số thứ tự của các TLTK trong danh mục TLTK ở cuối bài.
- Khi trích dẫn 2 TLTK trở lên thì có dấu phẩy và khoảng trắng để ngăn cách các TLTK, ví dụ [1, 2] hoặc [3, 6].
- Khi trích dẫn từ 3 trở lên mà không theo thứ tự liên tiếp thì dùng dấu phẩy cho các tài liệu đầu với chữ và kết nối tài liệu cuối, ví dụ: [2, 3, và 6]. Nếu trích dẫn từ 3 TLTK trở lên mà theo thứ tự liên tiếp thì có dấu “-” để nối TLTK đầu và cuối, ví dụ thay vì viết [2, 3, 4, 5, 6, 7] thì viết [2-7].
- Trường hợp trích dẫn trực tiếp nguyên văn hoặc cần thiết chỉ rõ vị trí trích dẫn, ghi thêm số trang vào sau chữ số thứ tự, ví dụ: [4, tr. 97].

### 2. Công thức, phương trình

Các công thức, phương trình được soạn thảo bằng chương trình Equation Editor và được đánh số liên tục tăng dần từ (1) đến (n) cho toàn bộ bài viết, số công thức, phương trình được canh phải. Đặc biệt, công thức để dưới dạng văn bản có thể chỉnh sửa, không để dưới dạng hình ảnh. Trong trường hợp công thức dài hơn một (01) dòng thì số công thức được đánh ở dòng dưới canh phải. Ví dụ:

$$A = 1 - \left| \frac{Z_{in} - Z_0}{Z_{in} + Z_0} \right|^2 \quad (1)$$

$$E_r = E_{ru} + E_{rv} = \hat{u}(R_{uu}E_{iu}e^{i\varphi_{uu}} + R_{uv}E_{iv}e^{i\varphi_{uv}}) + \hat{v}(R_{vv}E_{iv}e^{i\varphi_{vv}} + R_{vu}E_{iu}e^{i\varphi_{vu}}) \quad (2)$$

Tất cả các công thức, phương trình được chèn vào đúng chỗ của bài viết. Lưu ý cách ghi chỉ số trên và chỉ số dưới. Ví dụ: không ghi H<sub>3</sub>PO<sub>4</sub> mà là H<sub>3</sub>PO<sub>4</sub>.

### 3. Bảng và hình

Mọi hình ảnh đồ thị, bảng biểu lấy từ các nguồn khác phải được trích dẫn đầy đủ và được đánh số tăng dần (Bảng 1, Bảng 2,...; Hình 1, Hình 2,...). Hình (bao gồm ảnh chụp, sơ đồ, bản vẽ, đồ thị, bản đồ và biểu đồ) được canh giữa, xung quanh hình không có đường viền. Tiêu đề của bảng ghi phía trên, tiêu đề của hình ghi phía dưới. Ghi chú (nếu có) in nghiêng không đậm, canh giữa. Giữa tên bảng và bảng; giữa tên hình và hình cách nhau 6 pt. Chữ Bảng 1, Hình n,... được in đậm. Sau chữ Bảng 1, Hình n,... là dấu chấm ngăn cách “.” mà không dùng dấu “:”, rồi cách ra 1 ký tự, tiếp theo là tên hình in thường. Bảng dưới dạng văn bản có thể chỉnh sửa, không dưới dạng hình ảnh.

Ví dụ bảng:

**Bảng 1.** Các chất diệt cỏ quân sự được quân đội Mỹ sử dụng trong chiến dịch Ranch Hand tại Việt Nam (Hoàng Đình Cầu, 2003)

Các chất diệt cỏ	Thời gian phun rải	Số lượng (nghìn tấn)	Diện tích bị ô nhiễm (triệu ha)
“Chất da cam”	1962 – 1970	57,0	1,6
“Chất trắng”	1966 – 1971	20,8	0,7
“Chất xanh”	1962 – 1970	10,7	0,3

Ví dụ hình:



**Hình 1.** Hình ảnh thu mẫu giao tử san hô

#### **4. Quy định về ghi đơn vị đo**

Tất cả các đơn vị đo (theo hệ SI) đều được đặt sau con số và cách ra một ký tự (trừ một số ngoại lệ được đặt liền sau giá trị số như đơn vị đo góc phẳng: độ (°), phút (') và giây (")), đơn vị đo nhiệt độ (°C), dấu phần trăm (%). Ví dụ: 15 m; 120 mg/L; 12 kg; 120 người/km<sup>2</sup>; 90°; 40%; 30°C (đơn vị nhiệt độ không viết °C mà phải viết °C).

Một số lưu ý: Đối với đơn vị thể tích (lít, mililit...), nên ký hiệu bằng chữ in hoa để tránh nhầm với con số 1, chẳng hạn, nên biểu diễn là 2 mg/L; 5,0 mL (không nên biểu diễn là 2 mg/l; 5,0 ml...); kWh (không viết KWh); viết GPa hoặc Pa (không viết Gpa hoặc pa)...

#### **5. Chữ viết hoa và các thuật ngữ tiếng nước ngoài**

Tham khảo Quy định về cách viết hoa trong các văn bản hành chính được quy định tại Nghị định 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

Các thuật ngữ tiếng nước ngoài phải được phiên âm sang tiếng Việt hoặc có thể sử dụng trực tiếp với phiên âm tiếng Anh nếu là từ ngữ thông dụng, phổ biến.

#### **6. Định dạng con số**

- Định dạng con số trong tiếng Việt: dấu phẩy “,” được biểu trưng cho nhóm dãy số thập phân; dấu chấm “.” biểu trưng cho phân nhóm các dãy số hàng đơn vị, hàng chục hàng trăm hàng nghìn,...

- Định dạng con số trong tiếng Anh (ngược lại với tiếng Việt): Khi đó, dấu phẩy “,” được biểu trưng cho phân nhóm các dãy số hàng đơn vị, hàng chục, hàng trăm, hàng nghìn,... dấu chấm “.” biểu trưng cho cho nhóm dãy số thập phân.

#### **7. Hướng dẫn cách trình bày Danh mục tài liệu tham khảo**

##### **\* Cách trình bày tên tác giả TLTK:**

- Viết tên tác giả chính xác như trong TLTK.

- Khi có 2 tác giả thì ghi cả 2 và cách nhau bằng dấu phẩy “,”; từ 3 tác giả trở lên thì ghi tắt cả tên tác giả cách nhau dấu phẩy và với từ nối “và” (hoặc “and” trong tiếng Anh) trước tác giả cuối cùng.

**\* Cách sắp xếp thứ tự Danh mục TLTK**

- Các tài liệu tham khảo được xếp thứ tự tăng dần theo thứ tự xuất hiện trong văn bản.

- Nên định dạng sao cho các số thứ tự ở chế độ “hanging” (tức hàng thứ hai trở đi trong mỗi tài liệu lùi vào thẳng hàng với dòng đầu tiên).

**\* TLTK bằng các ngôn ngữ nước ngoài**

- TLTK bằng tiếng Anh thì tên giữ nguyên văn, không phiên âm, không dịch.

- Với các TLTK bằng ngôn ngữ khác: thì phải dịch nhan đề TLTK ra tiếng Anh, nhan đề chính sẽ để trong ngoặc đơn ngay sau nhan đề dịch; tên tác giả phiên âm sang tiếng Latin.

**\* Cách trình bày TLTK đối với các loại hình tài liệu:** (chú ý dấu chấm, dấu phẩy, khoảng trống, in nghiêng và ngoặc đơn)

**- Với sách:**

STT. Tên tác giả (các tác giả), *Tên sách (in nghiêng)*, lần xuất bản (nếu không phải lần đầu). Nơi xuất bản, Nhà xuất bản, năm xuất bản, số trang.

No. Author’s name, *Title of book*, edition (if not first). Place of publication, Publisher, year, number of page.

Ví dụ:

1. Nguyễn Văn A, *Nghiên cứu tính chất đặc trưng của B*. Hà Nội, Nxb. Khoa học tự nhiên và Công nghệ, 2011, 349 tr.
2. B. Rieder, *Engines of order: A Mechanology of algorithmic techniques*. Amsterdam, Univ. Press., 2020, 202 p.
3. J. L. Spudich, B. H. Satir, Eds., *Sensory receptors and signal transduction*. New York, Wiley-Liss, 2001, 305 p.
4. Council of Biology Editors, *Scientific style and format: The CBE manual for authors, Editors, and Publishers*, 6<sup>th</sup> ed., Chicago, Cambridge University Press, 2006.

**- Với 1 chương trong sách:**

STT. Tên tác giả (các tác giả) của chương sách, “Tên chương” trong *Tên sách in nghiêng*, lần xuất bản (nếu không phải lần đầu), Tên chủ biên, chủ biên. Nơi xuất bản, Nhà xuất bản, năm, trang số.

No. Author(s) of chapter, “Title of chapter” in *Title of book - italicized*, edition (if not first), Editor(s) of book, Ed. Place of publication, Publisher, year, pp. page range.

Ví dụ:

5. Nguyễn Quang Tiên, “Về quá trình tụ cư lập làng ở Hương Vinh” trong *Văn hóa - lịch sử Huế qua góc nhìn làng xã phụ cận và quan hệ với bên ngoài*, Lê Minh Hương, chủ biên. Huế, Nxb. Thuận Hóa, 2010, tr. 10-28.
6. G. O. Young, "Synthetic structure of industrial plastics" in *Plastics*, 2nd ed., Vol. 3, J. J. Peters, Ed.. New York, McGraw-Hill, 1964, pp. 15-64.

**- Với bài báo trên tạp chí khoa học:**

STT. Tên tác giả (các tác giả) bài báo, “Tên bài báo” *Tên tạp chí in nghiêng*, tập, số, trang số, năm. DOI: xx.xxxxxxxxxx (nếu có)

No. Author(s) of paper, “Title of paper” *Journal name - italicized*, volume number,

issue number, pp. page gange, year. DOI: xx.xxxxxxxxxx (if available)

Ví dụ:

7. Nguyễn Thanh Tùng, Trần Hoàng Ty và Nguyễn Đức Anh, “Đa dạng loài và đặc điểm phân bố của giun đất ở Đồng bằng sông Cửu Long” *Tạp chí Khoa học và Công nghệ nhiệt đới*, số 24, tr. 103-114, 11/2021. DOI: 10.58334/vrtc. Jtst.n24.11
8. G. Liu, K. Y. Lee and H. F. Jordan, “TDM and TWDM de Bruijn networks and shufflenets for optical communications” *IEEE Trans. Comp.*, Vol. 46, pp. 695-701, June 1997.
9. K. A. Nelson, R. J. Davis, D. R. Lutz, and W. Smith, “Optical generation of tunable ultrasonic waves” *Journal of Applied Physics*, Vol. 53, No. 2, Feb., pp. 1144-1149, 2002.
10. J. Attapangittya, “Social studies in gibberish” *Quarterly review of doublespeak*, Vol. 20, No. 1, pp. 9-10, 2003.

**- Với bài trong kỷ yếu hội thảo, hội nghị:**

STT. Tên tác giả (các tác giả) bài viết, “Tên bài viết” trong *Tên kỷ yếu hội thảo, nơi tổ chức, thời gian tổ chức in nghiêng, nơi tổ chức, năm tổ chức*. Nơi xuất bản, Nhà xuất bản, năm xuất bản, trang số.

No. Author(s) of paper, “Title of paper” in *Title of conference’s proceeding, place of organization, time of organization - italicized*. Place of Publication, Publisher, year of publication, pp. page gange.

Ví dụ:

11. Phùng Khánh Liệu, Trần Anh Tuấn, “Tính toán mức phát thải nhà kính của chính quyền thành phố Huế bằng công cụ Bilan Carbone” trong *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia Đất ngập nước và Biến đổi khí hậu, Hà Nội, 2011*. Hà Nội, Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, 2011, tr. 343-356.
12. L. Liu, H. Miao, "A specification based approach to testing polymorphic attributes" in *Formal methods and software engineering: Proceedings of the 6th International conference on formal engineering methods, ICFEM 2004, Seattle, WA, USA, November 8-12, 2004*, J. Davies, W. Schulte, M. Barnett, Eds. Berlin, Springer, 2004, pp. 306-19. (Báo cáo hội thảo)
13. T. J. van Weert, R. K. Munro, Eds., *Informatics and the digital society: Social, ethical and cognitive issues: IFIP TC3/WG3.1&3.2 Open Conference on Social, Ethical and Cognitive Issues of Informatics and ICT, Dortmund, Germany, July 22-26, 2002*. Boston, Kluwer Academic, 2003. (Kỷ yếu Hội nghị)

**- Với luận văn, luận án:**

STT. Tên tác giả, “Tiêu đề luận văn/luận án in nghiêng” Luận án tiến sĩ/Luận văn thạc sĩ, cơ sở đào tạo, địa điểm, năm in luận văn/luận án.

No. Author, “Title of thesis - italicised” Doctoral dissertation/Master's thesis, Institution, Location, year of preparation of thesis.

Ví dụ:

14. Nguyễn Công Trí, “*Nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp du lịch thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020*” Luận án Tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Tp. HCM, Tp.HCM, 2011.
15. J. O. Williams, “*Narrow-band analyzer*” Ph. D. dissertation, Dept. Elect. Eng., Harvard Univ., Cambridge, MA, 1993.

**- Với tài liệu internet:**

STT. Tên tác giả (các tác giả), “Tên tài liệu” Thời gian tài liệu được tạo hay cập nhật. [Trực tuyến]. Địa chỉ: <http://www...> [Truy cập ngày/tháng/năm].

No. Author(s) of document, “Title of document” Time document created or revised. [Online]. Available: <http://www...> [Accessed mm dd yyyy].

Ví dụ:

16. Dương Tử, “Nuôi tôm thẻ chân trắng trải bạt nền đáy” 2015. [Trực tuyến]. <http://thuysanvietnam.com.vn/nuoi-tom-the-chan-trang-trai-bat-nen-day-article-6651.tsvn>. [Truy cập ngày 21/7/2016].
17. H. Ayasso, A. Mohammad-Djafari, "Joint NDT image restoration and segmentation using Gauss-Markov-Potts prior models and variational bayesian computation" *IEEE Transactions on image processing*, Vol. 19, No. 9, pp. 2265-77, 2010. [Online]. Available: IEEE Xplore, <http://www.ieee.org>. [Accessed Sept. 10, 2010].
18. A. Altun, “Understanding hypertext in the context of reading on the web: Language learners’ experience” *Current issues in education*, Vol. 6, No. 12, July, 2005. [Online serial]. Available: <http://cie.ed.asu.edu/volume6/number12/>. [Accessed Dec. 2, 2007].